

Số: 321/2020/QĐST-HNGĐ

Thái Nguyên, ngày 19 tháng 06 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 360/2020/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Vũ Văn N, sinh năm 1995

ĐKKHKT: Tổ 8, phường TD, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Chị Phan Thị Hồng T, sinh năm 1994

ĐKKHKT: Tổ 8, phường TD, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

Chỗ ở hiện nay: Khu 2, thị trấn P, huyện BL, tỉnh Cao Bằng.

Căn cứ vào các Điều 146, 147, 212, 213; 482 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 357, 468 của BLDS 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 54, 55, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội.

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 6 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 6 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Vũ Văn N và chị Phan Thị Hồng T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Anh Vũ Văn N và chị Phan Thị Hồng T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, hai bên nhất trí thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Sau khi ly hôn, chị Phan Thị Hồng T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Vũ Mạnh Cường, sinh ngày 28/3/2019 cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; anh Vũ Văn N được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh Vũ Văn N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/tháng (ba triệu đồng một tháng) cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày người được quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp bên có nghĩa vụ thi hành án chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS.

- **Về tài sản chung, nợ chung:** Hai bên đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Anh Vũ Văn N tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nộp ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003055 ngày 27/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự TP Thái Nguyên.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND TP Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- THADS TP Thái Nguyên;
- Các đương sự;
- UBND xã, phường;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thanh Loan

